

Số: 02 /NQ-HĐT

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 01 năm 2024

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
Về Quy hoạch ngành/chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm –
Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2023 -2025, định hướng đến năm 2030
và tầm nhìn đến năm 2035

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGD-ĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về Hội nghị thường kỳ Quý IV năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 2424/TTr-ĐHSP ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc xem xét, phê duyệt Quy hoạch các chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2023 -2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035;



Căn cứ Báo cáo số 14/BC-ĐHSP ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch ngành đào tạo của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Thường trực Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm.

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG QUYẾT NGHỊ

1. Phê duyệt Quy hoạch ngành/chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2023 -2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 theo Tờ trình số 2424/TTr-ĐHSP của Hiệu trưởng, cụ thể:

1.1. Danh mục các ngành đào tạo dừng tuyển sinh bao gồm

TT	Mã số	Ngành đào tạo	Thời gian dừng tuyển sinh
I		Trình độ đại học	
II		Trình độ thạc sĩ	
1	8220102	Ngôn ngữ Việt Nam	2024
2	8420114	Sinh học thực nghiệm	2024
3	8420120	Sinh thái học	2024
4	8420121	Di truyền học	Cho đến khi mở mới ngành Sinh học
5	8440113	Hóa vô cơ	Cho đến khi mở mới ngành Hóa học
6	8440114	Hóa hữu cơ	2024
7	8440118	Hóa phân tích	Cho đến khi mở mới ngành Hóa học
8	8460102	Toán Giải tích	Cho đến khi mở mới ngành Toán học
9	8460104	Đại số và Lý thuyết số	Cho đến khi mở mới ngành Toán học
10	8440217	Địa lí tự nhiên	2024
III		Trình độ tiến sĩ	
1	9140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	2022
2	9229013	Lịch sử Việt Nam	2022
3	9220102	Ngôn ngữ Việt Nam	2022
4	9310501	Địa lý học	2022
5	9440113	Hóa vô cơ	2022

1.2. Danh mục các ngành đào tạo được duy trì, được mở mới trong giai đoạn 2023-2025, định hướng đến 2030 và tầm nhìn đến 2035 bao gồm:

TT	Mã số	Ngành đào tạo	Ghi chú
I		Trình độ đại học	
1.	7140101	Giáo dục học	
2.	7140201	Giáo dục Mầm non	
3.	7140202	Giáo dục Tiểu học (bao gồm các CTĐT: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Tiểu học định hướng chất lượng cao)	
4.	7140204	Giáo dục Công dân	Mở mới năm 2025
5.	7140205	Giáo dục Chính trị	
6.	7140206	Giáo dục Thể chất	
7.	7140209	Sư phạm Toán học (bao gồm các CTĐT: Sư phạm Toán học, Sư phạm Toán học định hướng chất lượng cao)	
8.	7140210	Sư phạm Tin học	
9.	7140211	Sư phạm Vật lý	
10.	7140212	Sư phạm Hóa học	
11.	7140213	Sư phạm Sinh học	
12.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	
13.	7140218	Sư phạm Lịch sử	
14.	7140219	Sư phạm Địa lý	
15.	7140221	Sư phạm Âm nhạc	Mở mới năm 2025
16.	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	Mở mới năm 2035
17.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	
18.	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	
19.	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	
20.	7310403	Tâm lý học giáo dục	
II		Trình độ Thạc sĩ	
1.	8140101	Giáo dục học (gồm các CTĐT): - Giáo dục Tiểu học - Giáo dục Mầm non - Giáo dục Tiểu học (liên kết quốc tế)	Giáo dục học (chương trình Giáo dục Tiểu học liên kết quốc tế) mở mới năm 2035

TT	Mã số	Ngành đào tạo	Ghi chú
2.	8140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (gồm các CTĐT): - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hóa học - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lý luận Chính trị - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Thể chất - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (liên kết quốc tế) - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tin học	- Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử mở mới năm 2025 - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hóa học mở mới năm 2035 - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (liên kết quốc tế) mở mới năm 2030 - Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tin học mở mới năm 2030
3.	8140114	Quản lý giáo dục	
4.	8220121	Văn học Việt Nam	
5.	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6.	8310501	Địa lý học	
7.	8420101	Sinh học	Mở mới năm 2024
8.	8440104	Vật lý chất rắn	
		Vật lý chất rắn đào tạo quốc tế song bằng	
9.	8440112	Hóa học	Mở mới năm 2024

TT	Mã số	Ngành đào tạo	Ghi chú
10.	8460101	Toán học	Mở mới năm 2024
		Toán học (liên kết quốc tế)	Mở mới năm 2030
11.	8480101	Khoa học máy tính	Mở mới năm 2026
III		Trình độ Tiến sĩ	
1.	9140102	Lý luận và lịch sử giáo dục	
2.	9140111	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (gồm các CTĐT):	
		- Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	
		- Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	
3.	9140114	Quản lý giáo dục	
4.	9220121	Văn học Việt Nam	
5.	9420120	Sinh thái học	
6.	9420121	Di truyền học	
7.	9460102	Toán giải tích	

2. Thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- ĐU Trường (để b/c);
- Thành viên HĐT (để t/h);
- Hiệu trưởng (để t/h);
- Các đơn vị có liên quan (để t/h);
- Lưu: VT, HĐT *Phạm*

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



PGS.TS Hà Trần Phương